

CHÍNH PHỦ
Số: 65/2010/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn, bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cơ quan, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học tại Việt Nam.

Điều 3. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Tổ chức điều tra, xác định nhu cầu bảo tồn đa dạng sinh học và lập dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước;
- Lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;
- Thẩm định dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước;
- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành và chủ trì việc thẩm định. Hội đồng thẩm định liên ngành chịu trách nhiệm về nội dung, tính khả thi của dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước.

Hội đồng thẩm định liên ngành quyết định theo đa số.

Thành phần của Hội đồng thẩm định liên ngành gồm 9 thành viên: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; các thành viên là đại diện cấp Vụ của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế và một số chuyên gia trong lĩnh vực đa dạng sinh học.

3. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước gồm có:

- a) Dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước;
- b) Văn bản của Hội đồng thẩm định liên ngành;
- c) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đã được thẩm định;
- d) Ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Điều 4. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định và thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, thẩm định và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo trình tự, thủ tục sau đây:

- a) Tổ chức điều tra, xác định nhu cầu bảo tồn đa dạng sinh học và lập dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- b) Lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan;
- c) Thẩm định dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- d) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành và chủ trì việc thẩm định. Hội đồng thẩm định liên ngành chịu trách nhiệm thẩm định về nội dung, tính khả thi của dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hội đồng thẩm định liên ngành quyết định theo đa số.

Thành phần của Hội đồng thẩm định liên ngành gồm 9 thành viên: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các thành viên là lãnh đạo của các sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế; đại diện cấp Vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chuyên gia trong lĩnh vực đa dạng sinh học.

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm có:

- a) Dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- b) Văn bản của Hội đồng thẩm định liên ngành;

c) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được thẩm định;

d) Ý kiến của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

Điều 5. Lập, phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan ngang bộ

1. Căn cứ vào quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước, Bộ, cơ quan ngang bộ có chức năng quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học có trách nhiệm lập quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định và thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định sau đây:

a) Tổ chức điều tra, xác định nhu cầu bảo tồn đa dạng sinh học và lập dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học;

d) Phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thẩm định về sự phù hợp giữa quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan ngang bộ với quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước.

4. Hồ sơ phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan ngang bộ gồm có:

a) Dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Văn bản thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan ngang bộ đã được thẩm định;

d) Ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ có chức năng quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của mình sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

1. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Yêu cầu điều chỉnh mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành, địa phương; quốc phòng, an ninh;

b) Khi có sự điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước;

c) Cần thiết phải thực hiện các dự án quan trọng quốc gia sau khi đã xem xét các phương án khác nhưng không thể thực hiện được;

d) Các trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt, thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học có trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt, thông qua điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học được thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 của Nghị định này.

4. Các nội dung điều chỉnh của quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học phải được công bố công khai.

Điều 7. Tiêu chí phân cấp khu bảo tồn

1. Khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia là các khu bảo tồn đáp ứng các tiêu chí chủ yếu quy định tại Điều 17, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20 của Luật Đa dạng sinh học.

2. Khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh là khu bảo tồn đáp ứng các tiêu chí chủ yếu sau đây:

a) Có hệ sinh thái tự nhiên quan trọng đối với địa phương, hệ sinh thái đặc thù hoặc đại diện cho các hệ sinh thái của địa phương đó;

b) Có giá trị đặc biệt về sinh thái, môi trường phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, giáo dục, du lịch, nghỉ dưỡng.

3. Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh là khu bảo tồn đáp ứng các tiêu chí chủ yếu sau đây:

a) Là nơi sinh sống thường xuyên hoặc theo mùa của các loài hoang dã thuộc Danh mục cấm khai thác ngoài tự nhiên, nơi sinh sản, tránh rét của các loài di cư;

b) Có giá trị đặc biệt về sinh thái, môi trường phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, giáo dục, du lịch, nghỉ dưỡng.

4. Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh là khu bảo tồn đáp ứng các tiêu chí chủ yếu sau đây:

a) Có cảnh quan môi trường, nét đẹp, độc đáo của thiên nhiên nhưng không đáp ứng các tiêu chí thành lập khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia;

b) Có giá trị đặc biệt về sinh thái, môi trường phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, giáo dục, du lịch, nghỉ dưỡng.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể việc xác định các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng đối với quốc tế, quốc gia, địa phương, hệ sinh thái đặc thù hoặc đại diện cho vùng sinh thái và hệ sinh thái đại diện cho các hệ sinh thái tự nhiên của địa phương; cảnh quan, nét đẹp, độc đáo của thiên nhiên; các giá trị đặc biệt về sinh thái, môi trường phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, giáo dục, du lịch, nghỉ dưỡng.

Điều 8. Trách nhiệm lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia

1. Trách nhiệm lập dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý của mình;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan lập dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia thuộc khu rừng đặc dụng, vùng biển có diện tích nằm trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan lập dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia vùng đất ngập nước, núi đá vôi, đất chưa sử dụng và các vùng sinh thái hỗn hợp có diện tích nằm trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành để thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành để thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

3. Thành phần của Hội đồng thẩm định liên ngành gồm ít nhất 7 thành viên theo quy định sau đây:

a) Đối với Hội đồng thẩm định liên ngành dự án thành lập khu bảo tồn quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các thành viên là lãnh đạo của các sở, ban, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; đại diện cấp Vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chuyên gia trong lĩnh vực đa dạng sinh học;

b) Đối với Hội đồng thẩm định liên ngành dự án thành lập khu bảo tồn quy định tại điểm b và c, khoản 1 Điều này: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thành viên là đại diện cấp Vụ của các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến xây dựng dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia và chuyên gia trong lĩnh vực đa dạng sinh học.

4. Nội dung thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn bao gồm:

a) Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn;

b) Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn;

c) Các dự án phục hồi sinh thái trong khu bảo tồn;

d) Quy chế quản lý khu bảo tồn;

đ) Các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý của tỉnh để Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến chính thức bằng văn bản, trước khi trình Thủ tướng quyết định thành lập.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý khu bảo tồn

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý các khu bảo tồn có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý của mình.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý khu bảo tồn cấp quốc gia thuộc khu rừng đặc dụng trên cạn, vùng biển có diện tích thuộc địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.